TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS- ST
Ngày: 10/5/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Mai Văn Đảm
2. Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLST- DS, ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-DS ngày 19/4/2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-DS ngày 28/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trịnh Đức T, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Khu phố N, Thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T: Chị Trịnh Thị Hồng T, sinh năm: 1981 (Văn bản ủy quyền ngày 03/01/2022).

Địa chỉ: Khu phố N, Thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên Tòa.

- *Bị đơn:*

1. Anh Vũ Văn T, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Nông trường T, xã T, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Trần Thị N, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Nông trường T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt anh T và chị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2022 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh T và người đại diện theo ủy quyền của anh T trình bày:

Ngày 20/12/2020 anh Vũ Văn T và chị Trần Thị N vay của anh T số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn là 20/01//2021 trả 100.000.000đ. Còn lại 50.000.000đ, đến ngày 20/02/2021 sẽ thanh toán hết. Đến hạn trả nợ, anh T đã nhiều lần yêu cầu

chị N và anh T trả nợ nhưng chị N và anh T vẫn không thực hiện. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T và chị N phải thanh toán cho anh số tiền gốc là 150.000.000đ. Tiền lãi phát sinh với lãi suất 1%/tháng tính từ ngày vay (ngày 20/12/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm là 16 tháng 20 ngày. Khoản này bằng 150.000.000đ x 1% x [16 + (20:30)] = 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Đồng thời, anh T tiếp tục yêu cầu anh T, chị N phải chịu tiền lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền chưa trả tương ứng với thời gian chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại bản tự khai ngày 14/4/2022 cũng như quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị N thừa nhận vợ chồng anh, chị có nợ anh T số tiền như nguyên đơn đã trình bày ở trên. Nhưng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chị đề nghị xin được trả dần cho anh T mỗi tháng là 2.000.000đ, thời gian trả nợ bắt đầu từ năm 2024. Nếu anh T không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh Vũ Văn T để nộp bản tự khai nhưng anh T không có mặt nên không có lời khai của anh T trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh T và anh T, chị N đang tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" do anh T và chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh T và chị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hai lần nhưng anh Vũ Văn T vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh T và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Tòa án cũng đã Thông báo hợp lệ anh T hai lần để đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều vắng mặt nên Toà án đã mở phiên hòa giải vắng mặt anh T.

[4]. Tại phiên toà, anh T và chị N đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng anh T và chị N vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh T và chị N.

[5]. Việc anh Vũ Văn T và chị Trần Thị N vay tiền của anh Trịnh Đức T số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) được thể hiện trong giấy vay tiền mà anh T giao nộp cho Tòa án. Trong giấy vay tiền của chữ ký và ghi rõ họ tên của người vay là Trần Thị N và Vũ Văn T. Việc này, bản thân chị Trần Thị N cũng thừa nhận. Như vậy hợp đồng vay tài sản giữa các bên đã được xác lập bằng văn bản, là hợp đồng hợp pháp.

[6]. Trong giấy vay tiền, anh T và chị N cam kết đến ngày 20/01/2021 sẽ trả cho anh T số tiền là 100.000.000đ, số tiền còn lại đến ngày 20/02/2021 sẽ trả hết. Đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng anh T và chị N chưa trả được nợ cho anh T. Do

đó, anh T yêu cầu anh T và chị N phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh là có căn cứ để chấp nhận.

[7]. Về lãi suất: Trong giấy vay tiền không ghi rõ mức lãi suất nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và chị N thống nhất mức lãi suất là 1%/tháng, đây là mức lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì thời gian vay là 16 tháng 20 ngày. Nên tiền lãi sẽ bằng 150.000.000đ x 1% x [16 + (20:30)] = 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

[8]. Đối với yêu cầu của anh T yêu cầu anh T, chị N phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán với lãi suất 1%/tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, yêu cầu của anh T là phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó chấp nhận yêu cầu này của anh T.

[9]. Về án phí: Do yêu cầu của anh T được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên anh T, chị N phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật. Anh T được trả lại tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ các Điều 357, 463; Khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc anh Vũ Văn T và chị Trần Thị N phải trả cho anh Trịnh Đức T số tiền 175.000.000đ (Một trăm bảy lăm triệu đồng). Trong đó 150.000.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 25.00.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh T và chị N phải chịu tiền lãi trên số tiền gốc còn nợ với lãi suất là 1%/tháng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí: Anh Vũ Văn T và chị Trần Thị N phải chịu 8.750.000đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí DSST. Trả lại cho anh Trịnh Đức T 4.425.000đ (Bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0007547 ngày 12/01/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn. Vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Cúc